

Số: /QĐ-BCĐ

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-UBQGCS ngày 03/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định: số 560/QĐ-UBND ngày 01/02/2024, số 1655/QĐ-UBND ngày 24/04/2024 của UBND tỉnh về việc kiện toàn, thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 893/TTr-STTT ngày 19/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1943/QĐ-BCĐ ngày 06/6/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 1969/QĐ-BCĐ ngày 08/6/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- UBQG về chuyển đổi số (để báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để báo cáo);
- TTr Tỉnh uỷ, TTr HĐND (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Mai Xuân Liêm**

QUY CHẾ**Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày tháng năm 2024
của Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo).

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo (sau đây gọi tắt là Tổ công tác).

Điều 2. Nguyên tắc làm việc

1. Ban Chỉ đạo làm việc dân chủ, công khai và do Trưởng Ban quyết định.

2. Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo không làm thay chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan và người đứng đầu các cơ quan trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Đề cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên Ban Chỉ đạo; giải quyết công việc theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này.

4. Các thành viên Ban Chỉ đạo chủ động giải quyết công việc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

5. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Ban Chỉ đạo làm việc theo các hình thức như tổ chức phiên họp định kỳ, cuộc họp đột xuất, tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc cho ý kiến bằng văn bản.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC THÀNH VIÊN VÀ TỔ CÔNG TÁC

Điều 3. Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Chỉ đạo, điều hành toàn diện về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Ban Chỉ đạo; ban hành chương trình, kế hoạch công tác, kiểm tra hàng năm của Ban Chỉ đạo.

2. Trực tiếp chỉ đạo hoạt động xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

3. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Chỉ đạo.

4. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

Điều 4. Các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo giúp Trưởng Ban trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Ban Chỉ đạo; xem xét giải quyết các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo; khi Trưởng Ban vắng mặt, Phó Trưởng Ban thường trực thay mặt Trưởng Ban Chỉ đạo hoạt động của Ban Chỉ đạo.

2. Phó Trưởng Ban

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban về việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

b) Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo đôn đốc các ngành, đơn vị xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch chuyển đổi số; kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết chuyển đổi số của tỉnh nhằm đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đề ra; yêu cầu các ngành, đơn vị thành viên thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo đảm bảo theo đúng thời gian quy định.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng Ban.

3. Phó Trưởng Ban thường trực và Phó Trưởng Ban sau đây được gọi chung là Phó Trưởng Ban.

Điều 5. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo

1. Tham mưu giúp Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban về các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh thuộc phạm vi ngành quản lý, của cơ quan mình và địa phương được phân công (có phụ lục kèm theo).

2. Trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình; thực hiện lồng ghép các nội dung trên vào trong các chiến lược, chương trình, dự án, nhiệm vụ của các ngành, đơn vị.

3. Cho ý kiến các vấn đề liên quan đến xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh theo chỉ đạo của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban.

4. Kịp thời báo cáo Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban về những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai nhiệm vụ được giao; đề xuất sáng kiến, giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn để thúc đẩy phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

5. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban về hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và các kế hoạch, văn bản có liên quan về chuyển đổi số đối với lĩnh vực, địa phương được giao phụ trách.

6. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Chỉ đạo, trong trường hợp không thể tham dự phải báo cáo và được sự đồng ý của người chủ trì cuộc họp; trường hợp ủy quyền cho người dự họp thay phải tham gia ý kiến bằng văn bản; cùng các Ủy viên Ban Chỉ đạo xem xét, trao đổi, báo cáo Trưởng Ban quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ban Chỉ đạo; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các ý kiến kết luận của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban liên quan đến ngành, lĩnh vực cơ quan mình phụ trách.

7. Cử cán bộ, chuyên gia giỏi, có tâm huyết tham gia Tổ công tác; tạo điều kiện cho cán bộ, chuyên gia này hoàn thành tốt nhiệm vụ được lãnh đạo Tổ công tác giao. Kịp thời thay thế những cán bộ, chuyên gia không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban giao.

Điều 6. Tổ công tác

1. Xây dựng, trình Trưởng Ban ban hành chương trình, kế hoạch công tác, kế hoạch kiểm tra hàng năm của Ban Chỉ đạo và tổ chức thực hiện; báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch của Ban Chỉ đạo và các chỉ đạo, kết luận của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban.

2. Nghiên cứu, đề xuất chủ trương, chính sách và giải pháp thúc đẩy xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình, chính sách, đề án, dự án, kế hoạch và giải pháp về xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; kịp thời báo cáo tham mưu đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

4. Chuẩn bị các ý kiến về các vấn đề liên quan đến xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh, báo cáo Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban xem xét, quyết định.

5. Nghiên cứu, xây dựng báo cáo và chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ các hoạt động và các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; chuẩn bị các thông báo, biên bản họp; đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện kết luận của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban; triển khai thực hiện việc sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

6. Trực tiếp làm việc và đề nghị các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện phối hợp cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo.

7. Tổ công tác được tổ chức thành các nhóm công tác do Tổ trưởng Tổ công tác quyết định và phân công nhiệm vụ.

8. Định kỳ hàng quý báo cáo Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên Ban Chỉ đạo về tình hình, kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ công tác.

9. Lưu giữ hồ sơ tài liệu liên quan đến hoạt động của Ban Chỉ đạo.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban giao.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo họp định kỳ một quý một lần; Ban Chỉ đạo có thể họp đột xuất theo chỉ đạo của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban. Thành phần tham dự cuộc họp do người chủ trì cuộc họp quyết định.

2. Trưởng Ban quyết định triệu tập cuộc họp mở rộng có sự tham gia của người đứng đầu cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, đề án, dự án có liên quan đến xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh và một số chuyên gia có liên quan.

3. Tổ công tác họp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo Tổ công tác.

Điều 8. Chế độ làm việc và cơ chế phối hợp

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ công tác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban định kỳ hoặc đột xuất làm việc với Ủy viên Ban Chỉ đạo, Tổ công tác để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo.

3. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo giao đơn vị đầu mối chủ trì, huy động đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình và các nguồn lực hợp pháp thực hiện nhiệm vụ được Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban giao; phối hợp với Tổ công tác trong thực hiện nhiệm vụ và báo cáo Trưởng Ban về kết quả thực hiện.

4. Tổ trưởng Tổ công tác được trung tập các thành viên của Tổ công tác và mời các chuyên gia làm việc tập trung tại Sở Thông tin và Truyền thông trong thời gian nhất định để nghiên cứu, xây dựng các đề án, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Chế độ thông tin báo cáo

1. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo báo cáo Trưởng Ban theo hình thức: báo cáo trực tiếp, báo cáo bằng văn bản, báo cáo thông qua các phiên họp định kỳ, đột xuất của Ban Chỉ đạo.

2. Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng báo cáo hàng quý, 06 tháng và báo cáo năm về hoạt động của Ban Chỉ đạo, gửi xin ý kiến các Ủy viên Ban Chỉ đạo trước khi trình Trưởng Ban.

Điều 10. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ công tác

1. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ công tác được bố trí trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm của Sở Thông tin và Truyền thông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ công tác theo quy định của nhà nước.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán kinh phí báo cáo Trưởng Ban và trình cơ quan có thẩm quyền cấp, đồng thời chịu trách nhiệm thanh quyết toán theo quy định hiện hành. Trường hợp phát sinh các nội dung chi đặc thù chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính để thống nhất nội dung trình Trưởng Ban xem xét, quyết định.

Điều 11. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo

1. Chỉ đạo tổ chức triển khai các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh thuộc cơ quan, đơn vị mình; chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

2. Quán triệt các nội dung chỉ đạo của Ban Chỉ đạo và chịu sự giám sát, kiểm tra của Ban Chỉ đạo về việc thực hiện nội dung trên. Phối hợp chặt chẽ với Tổ công tác đề xuất, kiến nghị các chính sách, giải pháp thúc đẩy xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các Ủy viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan thường trực, Tổ công tác thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các Ủy viên Ban Chỉ đạo gửi Cơ quan thường trực để tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban xem xét, giải quyết./.

Phụ lục**Phân công theo dõi, đôn đốc thực hiện chuyển đổi số**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày tháng năm 2024
của Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa)

STT	Thành viên Ban Chỉ đạo	Cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách
1.	Thành viên Sở Thông tin và Truyền thông	- Ngành Thông tin và Truyền thông - Huyện Mường Lát và TP Thanh Hóa
2.	Thành viên Văn phòng UBND tỉnh	- Văn phòng UBND tỉnh - Các huyện: Quảng Xương, Hà Trung
3.	Thành viên Ban Dân tộc	- Ban Dân tộc - Huyện Quan Hóa
4.	Thành viên Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	- Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp - Thị xã Nghi Sơn
5.	Thành viên Sở Công Thương	- Ngành Công Thương - Huyện Như Thanh
6.	Thành viên Sở Giáo dục và Đào tạo	- Ngành Giáo dục và Đào tạo - Huyện Cẩm Thủy
7.	Thành viên Sở Giao thông vận tải	- Ngành Giao thông vận tải - Huyện Vĩnh Lộc
8.	Thành viên Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Các Hội, Hiệp hội Doanh nghiệp - Huyện Nông Cống
9.	Thành viên Sở Khoa học và Công nghệ	- Ngành Khoa học và Công nghệ - Huyện Nga Sơn và Thị xã Bim Sơn
10.	Thành viên Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	- Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội - Huyện Yên Định
11.	Thành viên Sở Nội vụ	- Ngành Nội vụ - Huyện Triệu Sơn
12.	Thành viên Sở Ngoại vụ	- Sở Ngoại vụ - Huyện Như Xuân
13.	Thành viên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Huyện Thiệu Hóa

14.	Thành viên Sở Tài chính	- Ngành Tài chính - Huyện Hậu Lộc
15.	Thành viên Sở Tài nguyên và Môi trường	- Ngành Tài nguyên và Môi trường - Huyện Quan Sơn
16.	Thành viên Sở Tư pháp	- Ngành Tư pháp - Huyện Thường Xuân
17.	Thành viên Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Huyện Thạch Thành
18.	Thành viên Sở Xây dựng	- Sở Xây dựng - Huyện Hoằng Hóa
19.	Thành viên Sở Y tế	- Ngành Y tế - Huyện Ngọc Lặc
20.	Thành viên Thanh tra tỉnh	- Thanh tra tỉnh - Huyện Lang Chánh
21.	Thành viên Công an tỉnh	- Ngành Công an - Huyện Thọ Xuân
22.	Thành viên Cục Thuế Thanh Hóa	- Lĩnh vực Thuế - Huyện Bá Thước
23.	Thành viên Cục Thống kê Thanh Hóa	- Lĩnh vực Thống kê - Thành phố Sầm Sơn
24.	Thành viên Ngân hàng Nhà nước, Chi nhánh Thanh Hóa	- Lĩnh vực Ngân hàng - Huyện Đông Sơn